

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 41/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 05/10/2018

Về việc “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG - TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh

Các Hội thẩm nhân dân

1. Ông Nguyễn Công Hoan .

2. Ông Lê Văn Cư.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hải – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thu Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình đã thụ lý số: 143/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 03 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/8/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị Hương L**, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Số 20/137 ĐN, khu 7, phường VH, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (chị L có mặt tại phiên tòa).

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Số 20/137 ĐN, khu 7, phường VH, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (anh H được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn xin ly hôn; bản tự khai; biên bản lấy lời khai; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Phạm Thị Hương L đều trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn vào ngày 11/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Thủy, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn hai vợ chồng thuê nhà

sống trên thành phố Hải Dương được một thời gian thì mua đất xây nhà, anh H làm bộ đội đóng quân ở xa nhà, thỉnh thoảng mới về còn chị công tác tại Trường Trung học phổ thông CNT, TP. Hải Dương. Cuộc sống giữa chị và anh H hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị và anh H có những bất đồng về quan điểm sống dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng không có sự hòa hợp, tình cảm lạnh nhạt, thời gian chung sống cùng nhau ít, mỗi khi gặp nhau vợ chồng lại thường xuyên xảy ra cãi nhau, vợ chồng không thông cảm và chia sẻ cho nhau hơn nữa anh H thường xuyên có hành vi xúc phạm chị và sinh ra đổ kỵ nghi ngờ lẫn nhau. Mặc dù chị đã nhiều lần nói chuyện khuyên anh H để thấu hiểu để vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng anh H không nghe. Mâu thuẫn giữa chị và anh H cũng đã được gia đình hai bên và khu dân cư hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Từ đầu năm 2018 đến nay mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị và anh H sống ly thân, vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm nam nữ, không ai quan tâm và có trách nhiệm với nhau, vợ chồng ăn riêng, sinh hoạt riêng, không nói chuyện với nhau và không có bất kỳ biện pháp nào để đoàn tụ vợ chồng. Nay chị xác định chị và anh H không còn tình cảm với nhau, cuộc sống không có hạnh phúc và không thể đoàn được, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Chị L xác định trong quá trình chung sống giữa chị và anh H chỉ có với nhau 01 con chung là Nguyễn Nam K, sinh ngày 23/12/2010. Khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được nuôi con chung Nguyễn Nam K cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Cháu Nguyễn Nam K trên 07 tuổi có nguyện vọng được ở với chị, chị hoàn toàn nhất trí. Nếu được quyền nuôi con chung, chị tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị. Về điều kiện nuôi con chung: Hiện nay chị đang công tác tại Trường THPT CNT, thành phố Hải Dương. Thu nhập ổn định khoảng trên 6.000.000đ/1 tháng và có nơi ăn, ở ổn định đảm bảo điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để vợ chồng thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+Tại bản tự khai; biên bản lấy lời khai; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản hòa giải cũng như quá trình tố tụng bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh H xác nhận lời trình bày của chị L về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân mâu thuẫn như chị L trình bày là đúng. Anh H xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu là do hai vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống, không hòa thuận, tình cảm không có, không tin tưởng lẫn nhau, không chia sẻ quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn cũng đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ

chồng không được cải thiện. Khoảng từ đầu năm 2018 đến nay do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên anh và chị L đã sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ về mặt tình cảm, ăn riêng, sinh hoạt riêng và không quan tâm có trách nhiệm gì với nhau. Đến nay, chị L xin ly hôn, anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được và đồng ý ly hôn chị L với điều kiện chị L phải sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện đang đứng tên chị L sang đứng tên cả chị L và anh H.

Về con chung: Anh H xác định anh và chị L có 01 con chung là cháu Nguyễn Nam K, sinh ngày 23/12/2010 như chị L trình bày là đúng. Khi ly hôn anh H đồng ý với ý kiến của cháu K và nguyện vọng của chị L là khi ly hôn giao cho chị L được quyền nuôi con chung Nguyễn Nam K cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Sau đó anh H thay đổi quan điểm, anh H xin được nuôi con chung Nguyễn Nam K và tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh. Về điều kiện nuôi con chung: Anh H khai hiện anh làm việc tại Công ty TB, quân khu 2 chi nhánh Hải Dương với mức thu nhập bình quân là 8.500.000đồng/tháng đủ điều kiện nuôi con nhưng anh H không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung: Tại bản tự khai anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản chung nhưng tại buổi hòa giải ngày 17/5/2018 anh H có ý kiến đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung, Tòa án đã giải thích nhiều lần cho anh H về thủ tục yêu cầu chia tài sản chung tuy nhiên đến nay anh H vẫn chưa làm thủ tục nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung theo quy định. Tòa án đã thông báo cho anh H thời hạn để làm thủ tục yêu cầu chia tài sản chung nhưng anh H không hợp tác, không có quan điểm và không đến Tòa án làm việc cũng như từ chối nhận tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Về nợ chung: Anh H xác định vợ chồng không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 12/6/2018, ông Lê Văn Ngọc- phó khu dân cư số 7- phường VH, TP. Hải Dương nơi chị L, anh H cư trú trình bày: Chị L và anh H là vợ chồng, quá trình chung sống hai anh chị hay xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do hai bên hay nghi kỵ lẫn nhau. Nay chị L xin ly hôn anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/4/2018 người làm chứng là bà Trịnh Thị Xuân (mẹ anh H) trình bày: Quan điểm của gia đình bà là nếu chị L sang tên tài sản đứng tên chị L và anh H thì anh H sẽ đồng ý ly hôn).

Tại phiên toà hôm nay, chị Phạm Thị Hương L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn H và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con chung khi ly hôn, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Về

tài sản chung không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Phạm Thị Hương L và anh Nguyễn Văn H là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147, Điều 171, Điều 179, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Hương L được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Chị L và anh H có 01 con chung là Nguyễn Nam K, sinh ngày 23/12/2010, quá trình giải quyết vụ án Tòa án xem xét nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi đối với cháu K, cháu K có nguyện vọng ở cùng chị L, chị L có nguyện vọng nuôi con chung và cũng đã xuất trình tài liệu chứng minh về điều kiện nuôi con. Anh H nhất trí để chị L nuôi con chung nhưng sau đó có lời khai xin nuôi con chung nhưng quá trình giải quyết vụ án anh H không xuất trình bất kỳ tài liệu nào chứng minh điều kiện nuôi con nên không có căn cứ chấp nhận. Do đó cần giao cho chị Phạm Thị Hương L nuôi con chung Nguyễn Nam K, thời gian nuôi dưỡng kể từ tháng 10/2018 đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành là phù hợp. Chị L tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng cần chấp nhận. Anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

- Về nợ chung: Không có nên không phải giải quyết.

- Về án phí: Chị Phạm Thị Hương L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tài liệu, chứng cứ của vụ án: Đơn xin ly hôn; Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh con chung (bản sao); Giấy chứng minh thư nhân dân của chị L, anh H (bản sao); Sổ hộ khẩu gia đình (bản sao); Bản tự khai; Biên bản lấy lời khai con chung; Biên bản lấy lời khai người làm chứng; Biên bản xác

minh; Biên bản về việc anh H không nhận tài liệu.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết các bên đã thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên, bị đơn và kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 05 do Ủy ban nhân dân xã Thanh Thủy, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương cấp ngày 11/12/2009 thì chị Phạm Thị Hương L và anh Nguyễn Văn H có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị L có đơn xin ly hôn anh H do bị đơn anh H cư trú tại phường VH, TP. Hải Dương nên Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giải quyết theo đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án anh H mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập nhiều lần nhưng chỉ đến tham gia phiên họp công kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hai lần còn lần 3 anh H không đến nên không tiến hành hòa giải được. Mặc dù anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, niêm yết công khai tại nơi cư trú và địa phương các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, kết quả mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng anh H vẫn cố tình vắng mặt, không hợp tác với Tòa án. Căn cứ vào Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tuy đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án và quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhưng anh H từ chối nhận, Tòa án niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa tại nơi cư trú của anh H và tại Trụ sở Ủy ban nhân dân phường VH, TP. Hải Dương nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử thấy việc xét xử vắng mặt đối với anh H là phù hợp quy định tại các Điều 227, 233 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Hương L và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Thủy, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chị L và anh H sống chung với nhau giữa hai vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên bất đồng nhau về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau, không quan tâm, chia sẻ và có trách nhiệm với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “ *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu,*

chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau...” nhưng giữa vợ chồng chị L và anh H đã không có sự thương yêu, tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau. Từ đầu năm 2018 đến nay, hai vợ chồng chị L và anh H đã sống ly thân với nhau về mặt tình cảm, ăn riêng, sinh hoạt riêng không ai còn quan tâm đến ai, không còn trách nhiệm gì với nhau, cả hai đều không có bất kỳ biện pháp nào để đoàn tụ vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh H có lời khai xác định không còn chút tình cảm nào với chị L tuy nhiên anh H chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện chị L phải làm thủ tục sang tên Quyền sử dụng đất hiện đang mang tên một mình chị L sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cả chị L và anh H chứ anh H không đề nghị Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản. Tại phiên tòa hôm nay anh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa anh H và chị L không còn, mâu thuẫn giữa chị L và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc duy trì quan hệ hôn nhân không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, xử cho chị Phạm Thị Hương L được ly hôn với anh Nguyễn Văn H là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị Phạm Thị Hương L và anh Nguyễn Văn H có với nhau 01 con chung là Nguyễn Nam K, sinh ngày 23/12/2010. Quá trình giải quyết vụ án chị L có nguyện vọng nuôi con chung, anh H nhất trí để chị L nuôi con và nhất trí với nguyện vọng của cháu K được ở với chị L sau đó anh H lại thay đổi ý kiến xin được nuôi con chung. Xét nguyện vọng xin được nuôi con chung của các đương sự là chính đáng. Do hai bên cùng có nguyện vọng được nuôi con chung nên Tòa án đã yêu cầu chị L và anh H xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh về điều kiện nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, khi Tòa án tiến hành lấy lời khai, cháu K đã nhiều lần trình bày có nguyện vọng ở cùng chị L trước sự chứng kiến giám hộ của cả anh H và chị L. Chị L đã xuất trình cho Tòa án tài liệu chứng minh về thu nhập và điều kiện nuôi con, anh H có nguyện vọng nuôi con tuy nhiên không xuất trình tài liệu chứng minh về điều kiện nuôi con và không hợp tác làm việc với Tòa án. Hội đồng xét xử nhận thấy cần tôn trọng nguyện vọng của cháu K cũng như ý kiến của chị L và giao cho chị Phạm Thị Hương L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Nam K, thời gian nuôi dưỡng kể từ tháng 10/2018 đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành là phù hợp pháp luật. Do chị L tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không phải xem xét. Anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử vụ án, chị L đều có ý kiến không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung. Tại buổi hòa giải ngày 17/5/2018, anh H có ý kiến đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung và cam đoan sẽ gửi đơn yêu cầu chia tài sản chung cho Tòa án vào ngày 18/05/2018 và nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản theo quy định của pháp luật tuy nhiên đến nay anh H vẫn không làm đơn yêu cầu chia tài sản chung để nộp cho Tòa theo quy định. Tòa án đã giao Thông báo yêu cầu anh Nguyễn Văn H trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo phải đến Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương để trình bày quan điểm đối với yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng và cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ liên quan đến tài sản chung vợ chồng giữa anh H và chị L kèm theo yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng nhưng anh H đến nay vẫn chưa nộp các tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án và không hợp tác do đó Tòa án không xem xét giải quyết đối với quan hệ về tài sản chung giữa chị L và anh H. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì có thể khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn bằng một vụ án khác.

[2.4] Về nợ chung: Chị L và anh H đều xác định không có nợ chung nên Tòa án không phải giải quyết.

[2.5] Về án phí: Chị Phạm Thị Hương L phải chịu án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 147, Điều 171, Điều 179, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Hương L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Hương L được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị Hương L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Nam K, sinh ngày 23/12/2010; Thời gian nuôi dưỡng kể từ tháng 10/2018 đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành hoặc đến khi có thỏa thuận khác. Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị Phạm Thị Hương L tự nguyện không yêu cầu. Anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà

không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Tòa án không phải giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên Tòa án không phải giải quyết.

5. Về án phí dân sự: Chị Phạm Thị Hương L phải chịu 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí do chị Phạm Thị Hương L đã nộp là 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003324 ngày 21/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị Phạm Thị Hương L đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- VKSND TP Hải Dương;
- Các đương sự (nguyên, bị đơn);
- UBND xã Thanh Thủy, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương ghi sổ hộ tịch.
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương (án có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Quang Minh